

TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM QUA DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH

(Tiếp theo kỳ trước)

PG.S.TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG*

T
rong số các di tích kiến trúc, loại hình kiến trúc kinh đô thời cổ, trung đại cho phép chúng ta hình dung về quá trình phát triển văn hóa, văn minh của đất nước, ngoài kinh đô Văn Lang (Phú Thọ), Huế (1802- 1945), các di tích kiến trúc kinh đô Cổ Loa (Hà Nội) thời An Dương Vương (thế kỷ 3 trước Công nguyên), kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) của các triều vua Đinh, tiền Lê thế kỷ X, Thăng Long thời Lý- Trần (1010- 1400), thời hậu Lê (1428- 1788), Tây đô thời nhà Hồ (1400- 1407)... Thời gian làm vật đổi, sao dời nhưng dấu tích kiến trúc của các tòa thành vẫn còn đó không chỉ minh chứng cho các trung tâm quyền lực của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử dân tộc. Di tích các tòa thành còn cho thấy sự đa dạng phong phú của các kiến trúc về chất liệu, loại hình và nghệ thuật xây dựng thành quách. Nếu như thành Cổ Loa được xây bằng đất là chính, thành nhà Hồ vững chắc nhờ các bức tường đá hoành tráng ốp vào lớp đất trộn cát, sỏi, đá mỏ côi ở bên trong, thành Thăng Long, thành Huế lại được xây chủ yếu

bằng gạch. Thành Cổ Loa xây dựng uốn lượn theo địa hình tự nhiên, thành nhà Hồ kết hợp giữa cách lợi dụng địa hình tự nhiên để tạo nên la thành ở phía ngoài, bên trong thành nội phản ánh sự tiếp thu cung cách kiến trúc vùng Đông Á, lấy hướng Nam làm hướng chính, các công trình kiến trúc bám theo trục Bắc- Nam. Thành Huế, vòng ngoài (Kinh thành) làm theo kiểu Vauban, trong Đại nội bố trí theo phong cách kiến trúc thành vùng Đông Á truyền thống (Hoàng thành, tử cấm thành). Toàn bộ tòa thành đặt trong nền cảnh địa hình tự nhiên theo quan niệm kiến trúc Việt Nam truyền thống, tạo nên một quần thể kiến trúc kết hợp hài hòa giữa cảnh quan văn hóa và kiến trúc thành theo phong cách Đông- Tây.

Di tích kiến trúc làng cổ Đường Lâm, đại diện cho loại hình di tích kiến trúc về cuộc sống của các cộng đồng dân cư làm nên bộ mặt của nông thôn Việt Nam. Ở đó chia ra hai khu chức năng: khu cư trú và khu canh tác. Trong khu cư trú, các thiết chế tôn giáo (chùa, nhà thờ công giáo), hành chính, lớp tuổi, văn hóa (đình), tín ngưỡng (đền), địa vực (điểm), nghề nghiệp (nhà thờ tổ nghề), dòng máu (nhà thờ họ) và

* PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

các kiến trúc nhà ở dân gian truyền thống phân bố hai bên đường dọc làng và đường vào ngõ, xóm, xen kẽ với hệ thống ao làng, bên trong khu vực canh tác tạo nên một không gian kiến trúc gần như khép kín, tạo nên một mẫu hình tiêu biểu của kiến trúc làng xóm xưa.

Loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật chiếm tỷ lệ lớn trong các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh, trong đó, những kiến trúc liên quan đến sự thờ phụng của các tôn giáo, tín ngưỡng chiếm phần quan trọng. Những ngôi chùa thờ Phật và các vị liên quan đến Phật giáo, những nhà thờ Ki Tô giáo, những ngôi đình thờ Thành hoàng làng, các ngôi đền, điện, phủ thờ Thánh, Mẫu. Sự tồn tại của các di tích này đã phản ánh đời sống tâm linh đa dạng của các dân tộc trên đất nước ta. Đối với người Việt, hầu như làng nào cũng có chí ít một ngôi đình thờ Thành hoàng làng, một ngôi chùa thờ Phật. Người xưa nói: “Đất vua- chùa làng- phong cảnh Bụt”, lại có câu: “chuông làng nào làng ấy đánh- thánh làng nào làng ấy thờ”. Bên cạnh những ngôi đình, ngôi chùa làng có vẻ riêng biệt trong lũy tre xanh, lại có những ngôi chùa, ngôi đền có tầm ảnh hưởng xa hơn trong một vùng (chùa Hun - Côn Sơn- Hải Dương; Yên Tử - Quảng Ninh), cả nước (chùa Hương - Hà Nội; Đền Hùng - Phú Thọ). Những di tích nhấn nhủ sự đoàn kết toàn dân tộc, minh chứng cho sự bình đẳng, hòa hợp giữa các tôn giáo, tín ngưỡng.

Nghiên cứu sự ra đời/xuất hiện và xuất xứ của các di tích liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng ở nước ta, chúng ta sẽ càng hiểu hơn về sự đa dạng văn hóa, đời sống tinh thần của các cộng đồng dân cư trên đất nước ta, cùng sự hòa đồng dung dị của các tôn giáo nhập ngoại và các tín ngưỡng bản địa. Những ngôi chùa tháp hồi đầu Công nguyên ở vùng Dâu (Bắc Ninh), di tích các tháp Tường Long (Hải Phòng), Chương Sơn, Đọi Sơn (Hà Nam), các ngôi chùa Phật Tích, Dạm (Bắc Ninh), chùa Khai Quốc (Trấn Quốc) thời Lý. Những ngôi chùa Phổ Minh (Nam Định), tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc), chùa Thái Lạc (Hải Dương), Bối Khê, Trăm Gian (Hà Nội) thời Trần. Vào thời Lê Trung hưng, ở nước ta xuất hiện nhiều ngôi

chùa quy mô lớn, chùa trăm gian, chùa tiền Phật- hậu Thánh trên miền Bắc. Di tích Phật giáo tại miền Trung, nổi tiếng nhất có lẽ là Học viện Phật giáo Đồng Dương (Quảng Nam). Các ngôi chùa, học viện Phật giáo nêu trên minh chứng về Phật giáo đã lan tỏa, ăn sâu, bám rễ vào đời sống tâm linh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam từ trước Công nguyên cho đến tận ngày nay. Di tích các chốn tổ tiên, chùa Dâu (Pháp Vân - Bắc Ninh) nơi Thiền sư Tì Ni Đa Lưu Chi (vinitaruci) tu tại chùa năm 580, mất năm 594. Chùa Kiến Sơ (Phù Đổng - Hà Nội) được sư Vô Ngôn Thông chọn làm nơi phát dương dòng Thiền mang tên ông từ năm 820. Chùa Khai Quốc (nay là chùa Trấn Quốc - Hà Nội), nơi sư Thảo Đường mở ra dòng Thảo Đường năm 1069. Nay những chùa này vẫn đang nghi ngút khói hương, râm ran kinh kệ quanh những pho tượng Phật như ngàn năm trước.

Trong nhóm di tích kiến trúc nghệ thuật liên quan đến tín ngưỡng người Việt, hệ thống đình làng chiếm một vị trí khá quan trọng, một số ngôi đình làng có niên đại cổ nhất đã được phát hiện, nghiên cứu, xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật: đình Thụy Phiêu (1531), đình Tây Đằng, đình Thanh Lũng, đình tổng La Phù (Hà Nội), đình Lỗ Hạnh (1566 - 1577 - Bắc Giang). Những di tích kiến trúc đình làng nhìn tổng thể quy mô mặt bằng không rộng lớn như những ngôi chùa trăm gian thế kỷ XVII - XVIII, nhưng các điêu khắc trên kiến trúc đình là những dấu ấn về một nền nghệ thuật điêu khắc gỗ độc đáo, đặc sắc riêng của Việt Nam. Những chạm khắc trang trí trên kiến trúc đình phong phú, đa dạng nhất trong các chạm khắc trên các kiến trúc gỗ của Việt Nam. Trong số các di tích kiến trúc nghệ thuật, nếu như chùa phản ánh sự xâm nhập của Phật giáo vào đời sống tôn giáo của nước ta sớm nhất, dù đã trải qua nhiều thăng trầm, hiện nay vẫn duy trì được sức sống trong đa số dân chúng. Đình đã mất dần chức năng là trụ sở hành chính, nơi thể hiện “quyền uy” của các chức sắc và “lão làng”, để chỉ giữ lại chức năng là nơi thờ thành hoàng và vào hội, vào đám tuần túy. Thì các di tích đạo quán lại cho thấy, Đạo giáo đã có một thời hoạt động

khá mạnh mẽ trên đất nước ta, dẫu rằng ngót một thế kỷ qua không còn thấy bóng dáng các đạo sĩ ở đâu nữa. Những Bích Câu Đạo Quán, Hưng Thánh Quán, Huyền Thiên Đạo Quán, Đồng Thiên Quán (Hà Nội), động Thiên Tôn (Ninh Bình)... là các bằng chứng về một nét sinh hoạt tâm linh của người Việt thời cổ trung đại. Việc đến và đi của một giáo phái trong lịch sử nước ta nếu được nghiên cứu kỹ lưỡng sẽ giúp chúng ta hiểu được dân tộc chúng ta cần gì và không cần gì trong quá trình tồn tại và phát triển trên mỗi chặng đường lịch sử.

Di tích mộ táng liên quan đến quan niệm về cõi sống và cõi chết của mỗi cộng đồng người, qua mộ táng, chúng ta có thể cảm nhận được suy tư của con người về thế giới bên kia của người xưa khá đa dạng: những ngôi mộ kè đá, chôn nằm, chôn bó gói của người tiền sử; mộ huyết đất, mộ có quan tài hình thuyền, thân cây khoét rỗng, mộ màn gỗ của người thời Đông Sơn; mộ vò gốm của người Quỳ Chủ (Thanh Hóa), Sa Huỳnh; mộ cự thạch Hàng Gòn (Xuân Lộc - Đồng Nai), núi Phụng Hoàng (Bắc Ninh), mộ Mường Đống Thếch (Hòa Bình); mộ gạch thời Hán, mộ hợp chất thời Lê - Nguyễn; các lăng đá, từ chỉ nơi yên nghỉ của đám hoạn quan thời Lê - Trịnh. Các lăng mộ vua thời Trần (Thái Bình), thời Lê (Lam Kinh - Thanh Hóa), thời Nguyễn (Huế). Những ngôi nhà mồ mách về một loại hình kiến trúc nghệ thuật đầy màu sắc, vừa phản ánh quan niệm của người xưa về thế giới bên kia, vừa cho thấy sự phân hóa giàu nghèo, sang hèn của mỗi kiếp người. Dưới góc độ di sản, lăng tẩm thể hiện tài năng kiến trúc độc đáo của con người Việt trong dặm dài lịch sử.

Hệ thống di tích đền tháp Chăm lại phô ra một diện mạo khác của các di tích kiến trúc nghệ thuật ở đất nước ta. Kiến trúc đền tháp Chăm không len lỏi trong các không gian xanh, không cố tình đi tìm sự hài hòa giữa kiến trúc và thiên nhiên bằng cách ẩn mình vào các lùm cây, dựa lưng vào triền núi, lấy sông, suối, hồ, ao làm mình đường, lấy núi làm tiền án, hậu chẩm hoặc kiếm tìm những mạch đất có tả thanh long, hữu bạch hổ mà xây dựng. Các đền tháp Chăm phần lớn đặt trong các không gian

thoáng đãng, quần tụ lại thành từng cụm với ba tháp chính (Chiên Đàn, Khương Mỹ - Quảng Nam), Dương Long, (Bình Định), Ba Tháp (Ninh Thuận) giữa đồng bằng ven biển... hoặc rải ra từ dưới chân lên đỉnh đồi/gò. Đi dọc miền Trung, từ xa người ta đã có thể nhận ra các khu đền tháp Bánh Ít (Bình Định), Tháp Nhạn (Phú Yên), Tháp Bà (Ponagar) Khánh Hòa, Po Kloongirai (Ninh Thuận), Poshanư (Bình Thuận)... cũng có khi ngôi tháp vươn lên theo hình chiếc Lin ga khổng lồ, một trong những linh vật của Ấn Độ giáo (tháp Bằng An - Quảng Nam). Ngắm nhìn những ngôi đền - tháp Chăm vươn mình trên đỉnh đồi/gò giữa nền trời xanh, chúng ta dễ dàng liên tưởng đến những ngôi chùa - tháp thời Lý xây dựng trên những núi cao xứ Bắc như tháp chùa Tường Long (Hải Phòng), chùa Dạm, chùa Phật Tích (Bắc Ninh), chùa Long Đọi (Hà Nam). Những ngôi tháp bằng gạch đã đổ chỉ còn nền móng, nhưng một số hạng mục kiến trúc bằng đá như cột đá chùa Dạm, hệ thống đá kè dưới chân Phật Tích, chùa Dạm và những bệ đá hình hộp thời Trần với các góc trang trí hình Garuda - một hình tượng chim thần phổ biến trên các kiến trúc Chăm, cho thấy sự giao lưu văn hóa giữa hai miền khá mật thiết từ xưa...

Di tích lưu niệm danh nhân đã thể hiện rõ sự tôn vinh của người đời sau đối với những người có công với dân, với nước trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Họ là các vị anh hùng giải phóng dân tộc, các tài năng quân sự, những nhà văn hóa, các vị tổ nghề, các vị tiền hiền khai canh, những tấm gương trung nghĩa, xả thân vì tổ quốc. Những danh nhân được lập đền thờ theo sử sách, bắt đầu từ thời các vua Hùng, người đầu tiên được nhắc đến là người anh hùng làng Gióng (Phù Đổng Thiên Vương). Nếu những ngôi đình chỉ thờ một hoặc nhiều Thành hoàng của riêng một làng, thì những vị thần được thờ ở đền, tùy theo công đức hiển linh có tầm vóc quy mô ảnh hưởng trong cả nước, hoặc một vùng rộng lớn. Đền Hùng (Phú Thọ) thờ tổ Hùng Vương, Đền Kiếp Bạc (Hải Dương) thờ Trần Hưng Đạo, Đền Phù Đổng Thiên Vương (Hà Nội). Qua công tích các vị nhân thần được thờ tại các di tích, chúng ta

thấy bề dày truyền thống văn hóa của dân tộc gìn giữ, trao truyền từ đời này sang đời khác. Chỉ qua di tích thờ các vị tổ nghề, chúng ta đã nhận ra sự hiện diện từ xa xưa của những nghề: đúc đồng (Đại Bái - Bắc Ninh), chế tác vàng bạc (Châu Khê - Hải Dương; Đồng Xâm - Thái Bình; Định Công - Hà Nội); hát Quan họ (đền Vua Bà - Bắc Ninh); nghề thêu (Hà Nội), nghề múa rối nước (chùa Thầy - Hà Nội) và rối bóng (chùa Đại Bi - Nam Định).v.v.

Người Việt Nam hầu hết đều tôn thờ người mẹ trong tâm thức, những ngôi đền thờ Mẫu, thờ nữ thần địa phương nào cũng có, có thể nói, thờ Mẫu là một nét riêng của tín ngưỡng Việt Nam. Người Việt Nam ai cũng mong mỗi trong đời một lần được đến viếng đền Hiền Lương (Phú Thọ) thờ Mẫu Âu Cơ, các ngôi đền thờ Hai Bà Trưng (Hát Môn, Mê Linh, Đông Nhân), đền thờ Bà Triệu (Thanh Hóa), thờ Mẫu Liễu ở Phủ Giày (Nam Định), Đền Bà Chúa Xứ (núi Sam An Giang), thờ Thiên Y A Na (Khánh Hòa, Phú Yên).v.v. để thắp những nén nhang tôn kính dâng các vị "Mẫu nghi thiên hạ". Bên cạnh tôn thờ nhân thần, không ít di tích kiến trúc còn là nơi tôn thờ các vị nhiên thần và thiên thần.

Thần núi, thần sông, cây cối, sấm, sét, mây mưa... được thờ cúng phản ánh đời sống tâm linh hết sức đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Đất nước Việt Nam có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, các di tích Văn Miếu, đền thờ một số nhà giáo và tiến sĩ góp phần minh chứng cho nhận định đó. Di tích còn cho chúng ta thấy, trong thời quân chủ không chỉ có các chàng nho sĩ mới đỗ đạt, mới để lại tài hoa cho muôn thuở. Những di tích về Bà Huyện Thanh Quan, Nữ sĩ Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, tiến sĩ Nguyễn Thị Duệ (Chí Linh - Hải Dương) để lại cho con cháu ghi nhớ muôn đời tài danh của các bậc nữ lưu.

Các di tích lưu niệm sự kiện lịch sử từ phòng tuyến sông Như Nguyệt được Lý Thường Kiệt cho lập nên để chống quân Tống năm 1077 đến di tích Điện Biên Phủ - bằng chứng chiến thắng vang dội của nhân dân ta kết thúc sự xâm lược của đế quốc Pháp 7/5/1954. Di tích 12 ngày đêm đánh thắng không quân Mỹ trên bầu trời Hà Nội tháng 12 /1972, chấm dứt chiến tranh phá hoại, buộc Mỹ phải ký Hiệp Định Pa Ri rút quân ra khỏi nước ta. Hay khu di tích Đình



Độc Lập (Thành phố Hồ Chí Minh) - nơi chúng kiến thời khắc cáo chung của chế độ thực dân mới, mở đầu trang sử thống nhất, toàn vẹn đất nước ngày 30/4/1975. Những di tích ấy có thể là một chiến trường ác liệt, một địa đạo, một khu căn cứ, đôi khi chỉ là một căn hầm bí mật, một nơi cất giấu vũ khí giữa lòng thành phố. Phần lớn di tích lưu niệm sự kiện ở nước ta đều gắn với truyền thống đánh giặc giữ nước, các di tích phản ánh những trang sử hào hùng của đất nước. Những di tích là hệ thống căn cứ địa trong kháng chiến chống Pháp trên chiến khu Việt Bắc (An toàn khu Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên) hay chiến khu Nghĩa Hành (Quảng Ngãi). Các căn cứ thời chống Mỹ (Trung ương Cục Miền Nam (Tây Ninh), Chiến khu Đ (Đồng Nai) và các căn cứ, chiến khu của các quân khu và địa phương ở miền Nam. Chiến tranh Việt Nam là chiến tranh nhân dân, trong đó "trận địa lòng dân" chỗ dựa vững chắc cho các lực lượng vũ trang. Hệ thống di tích gồm các địa đạo trong kháng chiến chống Pháp (Nam Hồng - Hà Nội), chống Mỹ (Vĩnh Mốc - Quảng Trị; Kỳ Anh - Quảng Nam; Củ Chi - thành phố Hồ Chí Minh), là những minh chứng sống động. Trong chiến tranh chống Mỹ, việc vận chuyển lương thực, trang thiết bị, vũ khí đạn dược, bộ đội cho chiến trường miền Nam đã để lại những di tích khó quên về Đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển. Sự kiên cường bất khuất không ngại hy sinh của bộ đội, thanh niên xung phong trên các nút giao thông huyết mạch đã để lại huyền thoại ở các di tích Trường Bồn (Nghệ An), Ngã Ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh), Đường 20 Quyết Thắng (Quảng Bình)...

Chiến tranh không chỉ để lại các địa điểm lưu niệm các sự kiện chứng kiến sự giao tranh giữa các lực lượng vũ trang. Những kẻ gây chiến ở Việt Nam còn gieo rắc thảm họa cho thường dân vô tội. Cuộc chiến qua đi, theo thời gian lùi dần vào quá khứ, nhưng nỗi đau chiến tranh vẫn hiện diện tại các khu di tích chứng tích chiến tranh. Những khu di tích này là nơi vừa tố cáo tội ác chiến tranh, vừa cảnh báo loài người về các thảm họa của chiến tranh. Các di tích thăm sát Bình An (Bình Định 1966), Sơn Mỹ

(Quảng Ngãi 1968), Khâm Thiên (Hà Nội 1972).v.v. là lời cảnh tỉnh nhân loại nên dừng ngay các cuộc chiến tranh, trong bối cảnh lịch sử loài người, hàng vạn năm qua không lúc nào ngưng chết chóc do các cuộc chiến lớn nhỏ gây ra. Giờ đây, khi mà công nghệ cao được sử dụng phục vụ chiến tranh, các siêu cường chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt ngày càng nhiều, độ sát thương ngày càng lớn, sự chính xác ngày càng cao, lời cảnh tỉnh qua các chứng tích chiến tranh lại càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Trong quá trình sinh sống và phát triển, mở mang bờ cõi, người Việt Nam không chỉ chiếm lĩnh trên đất liền mà còn tiến ra khai phá làm chủ biển khơi. Các di tích về những người lính Hải đội Hoàng Sa trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) đã khẳng định chủ quyền quốc gia trên biển từ xa xưa, khi phương tiện đi lại trên biển chỉ là những chiếc thuyền câu nhỏ. Mỗi chuyến ra đi không hẹn ngày về của họ đã góp phần xác định chủ quyền của đất nước đối với những quần đảo khi chìm, khi nổi trên vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa ở vùng Bắc Hải xa xôi của đất nước.

Danh lam thắng cảnh, những cảnh đẹp trời cho làm giàu thêm kho tàng di sản của đất nước. Những di sản thiên nhiên được sự quan tâm, chăm sóc, tô điểm của con người làm cho các di sản thiên nhiên càng có tính nhân văn. Vẻ đẹp kỳ ảo bên trên và trong lòng nước của các vịnh biển Việt Nam đã vang danh thế giới. Vì thế, tổ chức Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới đã đưa Vịnh Hạ Long và Vịnh Nha Trang (Khánh Hòa) vào danh sách 29 vịnh đẹp nhất thế giới. Những ngọn núi đá vôi của địa hình Carst chạy suốt từ Bắc vào Nam tạo nên các hang động kỳ thú, các thác và hồ nước thơ mộng giữa trên cao nguyên. Những Vườn Quốc gia chứa đựng các nguồn gen quý hiếm, các loài sinh vật đặc hữu của vùng, của nước không chỉ được Unesco ghi vào Danh mục di sản thiên nhiên thế giới mà còn được đưa vào Danh mục các khu dự trữ sinh quyển thế giới (Cần Giờ - thành phố Hồ Chí Minh, 2000), Vườn Quốc gia Cát Tiên (2001), Vườn Quốc gia Cát Bà (2004 - Hải Phòng), Khu dự trữ sinh quyển

Đồng bằng sông Hồng, (2004 - Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình), Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang (2006), và Tây Nghệ An (2007). Những khu dự trữ sinh quyển của Việt Nam góp mặt trong tổng số 550 khu bảo tồn đa dạng sinh học tại 105 nước, nhằm ngăn chặn sự biến mất của các quần thể thực vật và động vật trên thế giới.

Ở cấp độ khu vực, Việt Nam có 4 Vườn quốc gia được công nhận là Vườn di sản Asean năm 2003: Konkakinh (Gia Lai), Hoàng Liên (Lào Cai), Chư Mom Rây (Kon Tum), Ba Bể (Bắc Kạn). Để đạt được danh hiệu này của tổ chức Bộ trưởng môi trường các nước Asean, các di sản phải đạt được các tiêu chí: tính tự nhiên, hoang dã, tính nguyên vẹn về hệ sinh thái, sự đa dạng và nổi bật về quần thể.

Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh không chỉ phản ánh truyền thống văn hóa dân tộc qua các giá trị vật thể, còn là nơi chứa đựng các giá trị di sản phi vật thể. Quần thể di tích kiến trúc Huế với nhã nhạc cung đình, hội hè tại các đình, đền, chùa, các chiếu chèo sân đình, những bài hát cửa đình, múa rối nước chùa Thầy, rối bóng chùa Đại Bi. Các sợi vật khi làng vào đám, hội thi nấu cơm, thi các ngành nghề thủ công truyền thống tại địa phương, các trò diễn và những di sản văn tự, truyền khẩu diễn ra tại di tích mang lại sự sống động, vẻ đẹp tinh thần trong truyền thống dân tộc.

Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh ở nước ta như vừa thoáng thấy ở trên, dấu mới chỉ là những nét chấm phá, nhưng đã cho thấy sự phong phú đa dạng về lịch sử văn hóa của một đất nước không chỉ có bề dày truyền thống văn hóa, còn có cảnh quan thiên nhiên

đẹp. Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh là những bằng chứng xác thực, sinh động về một đất nước trên dòng chảy lịch sử nhân loại. Ở đó hiện ra những con người, những sự kiện, những công trình do con người sáng tạo ra, làm nên và gìn giữ có ý thức hoặc vô thức. Di sản phô ra những bản sắc văn hóa riêng của mỗi quốc gia, dân tộc, góp phần xứng đáng biểu đạt sự đa dạng văn hóa chung của nhân loại. Trong thời đại ngày nay, di sản đang đóng góp tích cực vào sự phát triển của mỗi quốc gia, di sản là tài nguyên du lịch, là điểm đến của khách tham quan. Không ít địa phương giàu lên, đời sống một bộ phận dân cư được cải thiện nhờ phát triển dịch vụ du lịch ở di sản, Hạ Long, Huế, Hội An... là những địa chỉ như thế.

Di sản văn hóa và thiên nhiên là những mảnh vỡ nhỏ bé còn vương lại của quá khứ, vốn rất mong manh, luôn bị sự biến động của khí hậu môi trường và các hoạt động của con người tác động làm hư hỏng. Vì vậy, để di sản tồn tại bền vững hơn với thời gian, không chỉ cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Mà nên xem xét ưu tiên cho việc bảo tồn vì di sản một đi không trở lại, còn cái mới hôm nay chưa làm, ngày mai vẫn có thể thực hiện. Những lời cảnh báo về sự nóng thái quá cho sự phát triển hôm nay sẽ phải trả giá đắt ngày mai luôn mang ý nghĩa thời sự. Thông điệp của chúng ta về bảo tồn truyền thống văn hóa qua di sản để trao truyền cho các thế hệ mai sau là: Hãy lưu ý làm giàu thêm di sản đất nước, đừng vì cái lợi trước mắt mà làm nghèo đi nguồn di sản vốn đã rất nghèo vì thời gian, thiên nhiên và chiến tranh tàn phá.

N.Q.H

PROF. DR. NGUYỄN QUỐC HÙNG: VIETNAMESE TRADITIONS THROUGH CULTURAL HISTORICAL MONUMENTS AND LANDSCAPES

Thanks to favorable geographical and political conditions, Vietnam is a place for 54 ethnic groups to coexist for a long time. During the process of existence, these peoples created, developed and preserved many cultural and natural heritages, reflecting traditions of construction and defense of the nation. However, many heritages have been destroyed through time, therefore, to understand ethnic identity, it is necessary to raise awareness of understanding and respect toward the preservation of original value of the existing heritages.